



Hòa thượng Thích Tâm Giác (1917 - 1973)

ISSN: 2734-9195

15:49 29/01/2024

Hòa thượng Thích Tâm Giác, thế danh là Trần Văn Mỹ, sinh năm 1917 tại tỉnh Nam Định, thân phụ là cụ ông Trần Văn Quý, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Suôi.

HÒA THƯỢNG THÍCH TÂM GIÁC (1917 - 1973)

Hòa thượng Thích Tâm Giác, thế danh là Trần Văn Mỹ, sinh năm 1917 tại tỉnh Nam Định, thân phụ là cụ ông Trần Văn Quý, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Suôi. Ngài là con trai thứ hai trong gia đình gồm hai trai một gái.

Ngài sinh trưởng trong một gia đình Nho phong. Thân phụ Ngài tinh thông Hán học. Cả hai ông bà lại rất thâm tín Phật pháp. Do đó, Ngài được hấp thụ ngay từ thuở ấu thơ hai nền văn hóa cổ truyền của dân tộc là Khổng giáo và Phật giáo.

Được biết thuở nhỏ, Ngài cứ yếu đau, quặt quẹo luôn, rất khó nuôi. Theo tập quán địa phương, Ngài được hai cụ thân sinh đem “bán khoán” cho vị Tăng trú trì tại ngôi chùa trong thôn và ở luôn trong chùa. Đến khi lên 7 tuổi, vì đã quen sống cuộc đời chay tịnh, nên Ngài xin với song thân cho xuất gia đầu Phật.

HÒA THƯỢNG THÍCH TÂM GIÁC (1917 - 1973)

Được sự chấp thuận của hai cụ, bước đầu Ngài thụ nghiệp với Hòa thượng Thích Trí Hải tại chùa Mai Xá thuộc Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là Nam Hà).

Vào đầu thập kỷ 1930, phong trào chấn hưng Phật giáo nổi lên khắp nước. Tại Nam kỳ Hội Nghiên cứu Phật học ra đời năm 1931 ở Sài gòn. Tại Trung kỳ Hội An Nam Phật Học thành lập ở Huế năm 1932. Các Phật học đường được tổ chức khắp nơi. Các tạp chí Phật học xuất bản đều đặn để hoằng dương đạo pháp, gieo vào tâm hồn chư Tôn đức, Tăng Ni và Phật tử cả nước niềm phấn khởi chưa từng có.

Trước phong trào rầm rộ ở Nam và ở Trung, năm 1934 Hòa thượng Trí Hải (chùa Mai Xá) bèn từ giã bản tự lên thủ đô Hà Nội, cùng với chư Tôn đức và các cư sĩ

thuần thành đầy tâm huyết như các ông Nguyễn Năng Quốc, Trần Văn Đại, Bùi Thiện Căn, Bùi Thiện Cơ vận động tổ chức hội Bắc kỳ Phật giáo. Hội đã cung thỉnh Hòa thượng Thích Thanh Hanh là Tổ Vĩnh Nghiêm lên ngôi Thuyền gia Pháp chủ, mở đầu kỷ nguyên chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc.

Bấy giờ Ngài 17 tuổi, được Bổn sư cho theo lên Hà Nội hầu hạ và đóng góp sức mình vào công việc hoàng dương đạo pháp. Thuở ấy Ngài chỉ mới thọ giới Sa Di, nhưng được các Tổ Tế Xuyên, Tế Cát, Trung Hậu, Hương Tích và Tuệ Tạng rất thương yêu.

Nhờ Ngài có sẵn căn bản Nho học hấp thụ được trong gia đình, lại được Hòa thượng Trí Hải dày công huấn giáo và các Tổ ân cần bảo ban, dẫn dụ, nên về mặt giáo lý và thuyền hạnh, Ngài được coi là hàng tân tiến khả dụng, có nhiều triển vọng trong tương lai, làm trụ cột cho tòa nhà Phật giáo.

Năm 1937, sau khi tốt nghiệp lớp Trung đẳng Phật học tại trường Bồ Đề thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, Ngài được các Tổ cho đăng đàn thọ Tỳ Kheo giới, lúc đó Ngài tròn 20 tuổi. Đại giới đàn này do các vị Tôn túc thủ tọa chứng minh như Tổ Tế,

Tổ Trung, Tổ Hương, Tổ Côn, Tổ Quảng, Tổ Ngũ (1) Thái Hòa, Tổ Liên tác chứng và các Hòa thượng Trí Hải,

Từ đó Ngài được vào hàng sứ giả của Như Lai, được cử giữ những chức vụ trọng yếu trong trụ xứ cũng như làm Duy Na trong các kỳ kiết hạ an cư tại chùa Quán Sứ (số 74 đường Quán Sứ - Hà Nội).

Sau năm 1945, vừa tốt nghiệp xong lớp Đại học Phật học tổ chức tại chùa Quán Sứ, Ngài cũng như các sinh viên Tăng và dân chúng phải tản cư khỏi thành phố vì thời cuộc. Ngài phải di cư lên vùng Thái Nguyên, sau lại trở về Ninh Bình. Được ít lâu, Ngài trở về Mai Xá nơi chùa cũ tiếp tục tu học và chăm lo nuôi dưỡng sáu trăm em cô nhi đang bơ vơ vì đạn lửa chiến tranh.

Năm 1949, nhân một cơ duyên tốt, Ngài hồi cư về Hà Nội và được cử giữ chức Phó Giám đốc nhà in Đuốc Tuệ, phụ bút nguyệt san Phương Tiện, cơ quan của Hội Tăng Ni Chính Lý Bắc Việt do Hòa thượng Tổ Liên làm chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Trong thời gian này Ngài còn tham gia các công tác từ thiện xã hội, hợp sức cùng Hội Việt Nam Phật Giáo do Cư sĩ Bùi Thiện Cơ làm Hội trưởng, trông nom Cô nhi viện ở trại Tế Sinh lên đến một trăm sáu mươi em. Ngài còn nhận làm Ủy viên trong trại nuôi dưỡng đồng bào hồi cư ở Ngọc Hà. Hàng năm cứ vào mùa kiết hạ an cư tại chùa Quán Sứ, Ngài đều được cử giữ chức Duy Na, một chức vụ

quan trọng trong thất chức tùng lâm.

Vốn đã thông thạo Hán tự, biết qua Pháp văn, lại ôm ấp hoài vọng xuất dương tu học và tham khảo Phật sự các nước, nên lúc còn học tại chùa Quán Sứ, Ngài đã cùng bạn đồng môn là Hòa thượng Thích Thanh Kiểm rủ nhau tranh thủ đi học thêm Anh văn và Nhật ngữ.

Cơ duyên tốt lành đã đến. Năm 1953, trong một cuộc họp liên hội gồm Hội Việt Nam Phật Giáo và Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt, hội nghị đã công cử Ngài cùng Hòa thượng Thanh Kiểm sang Nhật Bản để nghiên cứu về công cuộc chấn hưng Phật giáo tại quốc gia đó.

Tại Nhật Bản, hai vị đều kiên tâm, trì chí, chuyên tu chuyên học cả về Phật pháp và thể học. Riêng Ngài thường ôm ấp chí nguyện cải tạo nếp sống cho thế hệ tương lai, cần theo chiều hướng của thời đại là có khỏe mạnh về thể xác mới mong tiến hóa về mặt tinh thần. Do đó, ngoài việc học Phật pháp và thể pháp, Ngài còn hàng ngày đến luyện tập nhu đạo (Judo) tại Trung tâm Nhu đạo KODOKAN.

Sau chín năm tu học tại Nhật, Ngài đã tốt nghiệp Đại học Phật pháp tại Tokyo, lãnh cấp bằng Tiến sĩ Xã hội học, Tiến sĩ Triết học Đông Phương và Tam đẳng huyền đai tại viện Nhu đạo KODOKAN.

Năm 1962, hai vị trở về nước hoằng pháp. Bước qua năm 1963, Phật giáo Việt Nam gặp pháp nạn, Ngài đã cùng chư Tôn đức, Tăng Ni tham gia tích cực trong mọi công cuộc hô hào Phật tử chống lại bạo quyền áp bức, kỳ thị tôn giáo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Nhờ sự đồng tâm nhất trí của hàng triệu con Phật đứng lên bảo vệ tín ngưỡng của dân tộc, được sự đồng tình của mọi tầng lớp đồng bào, của các tôn giáo bạn, của dư luận thế giới, nhờ sự hy sinh cao cả của chư Tăng Ni đã dùng sanh thân đốt lên ngọn lửa bi trí dũng, trong đó có ngọn lửa của Bồ Tát Thích Quảng Đức, cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam thắng lợi.

Năm 1964, nhờ thắng lợi đó, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập. Ngài được cử giữ chức vụ Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tài chính. Trong hiến chương của Giáo hội có ghi: “Những đồng bào Phật tử Bắc Việt di cư được thành lập một miền trong Giáo hội mệnh danh miền Vĩnh Nghiêm”. Do đó, Ngài được bầu làm Chánh đại diện miền Vĩnh Nghiêm.

Ngày 1-7-1964, Ngài được Giáo hội ủy cử đảm trách chức vụ Giám đốc Nha Tuyên úy Phật giáo. Cuối năm 1964, thực hiện giấc mộng hằng ôm ấp từ lâu là tạo lập cho thanh niên Việt Nam có một thể lực tự vệ, thể hiện ý chí kiên cường

của thế hệ trẻ có đủ ba đức Bi Trí Dũng, Ngài thành lập viện Nhu đạo Quang Trung, đào tạo được hàng trăm nghìn thanh niên đủ các đẳng cấp đai, mà dư âm của trường Nhu đạo này còn vang đến ngày nay trên các võ đài quốc gia cũng như quốc tế.

Với hoài bão Phật giáo cần có cơ sở hạ tầng đúng với tầm vóc, Ngài muốn xây dựng Việt Nam Quốc Tự thành một đại tông lâm Phật giáo giữa một thành phố lớn vào bậc nhất cả nước, thành một Trung tâm văn hóa Phật giáo và một Trung tâm du lịch.

Trước hết Ngài cho tiến hành xây ngôi bảo tháp 9 tầng, vươn cao giữa bầu trời Sài gòn. Công việc đang tiến hành dở dang thì Ngài đã viên tịch, rồi tiếp theo các biến cố của thời cuộc, nên công việc phải đình lại.

Ở cương vị đại diện miền Vĩnh Nghiêm, Ngài đã chủ xướng và vận động thập phương tín hữu phát tâm cúng dường, xây dựng ngôi chùa Vĩnh Nghiêm, là ngôi chùa lớn và đẹp nhất Sài gòn, mà ngày nay du khách trong và ngoài nước thường đến tham quan lễ bái công trình văn hóa tín ngưỡng này. Và cũng để cho những Phật tử quê hương ở miền Bắc có điều kiện sinh hoạt tín ngưỡng theo truyền thống văn hóa nghi lễ đặc thù, ngôi chùa này đã trở thành Tổ đình của Tăng Ni Phật tử đất Bắc ở tại miền Nam.

Ngoài các phật sự kể trên, Hòa thượng Thích Tâm Giác còn dành thì giờ trước thuật các tác phẩm Phật giáo và võ đạo:

- Duy thức học tập
- Duy thức học tập
- Hộ thân thuật.
- Nage - Nokata.
- Nhu đạo.
- Biến thể Nhu đạo.
- Nhật ngữ tự học.
- Phương pháp ngồi thiền.
- Zen và

Trong lúc các phật sự được tiến triển một cách tốt đẹp, thì một cơn bệnh “vô thường” chợt đến, mặc dầu các bác sĩ trong và ngoài nước đem hết tài năng và phương tiện hiện đại ra tận tình chữa trị, nhưng chiếc xe hữu tình vẫn cứ lăn nhanh về nơi tịnh cảnh. Ngài viên tịch vào ngày 20 tháng 10 năm Quý Sửu, tức ngày 15-11-1973. Nhục thân của Ngài đã được an táng tại nghĩa trang Vĩnh Nghiêm, huyện Hóc Môn.

Trích: **Tiểu sử Danh tăng Việt Nam thế kỷ XX - Tập 1** (Giai đoạn chia đôi đất nước)

Chủ biên: **TT.Thích Đồng Bổn**

Chú thích:

(1) Tổ Tế: Tế Xuyên; Tổ Trung: Trung Hậu; Tổ Hương: Hương Tích; Tổ Còn: Quần Phương; Tổ Quảng: Quảng Bá ; Tổ Ngũ: Ngũ Xá.